

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT



GIÁO TRÌNH

# **NHẬP MÔN VIỆT NAM HỌC**

*(Dành cho sinh viên chuyên ngành Việt Nam học)*

**PGS.TS. CAO THẾ TRÌNH**

**2005**

## MỤC LỤC

|                                                                                                                                                                  |        |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|
| MỤC LỤC .....                                                                                                                                                    | - 1 -  |
| NHẬP MÔN VIỆT NAM HỌC .....                                                                                                                                      | - 2 -  |
| 1. Thuật ngữ “Việt Nam học” .....                                                                                                                                | - 3 -  |
| 2. Đối tượng nghiên cứu của Việt Nam học .....                                                                                                                   | - 4 -  |
| 3. Chức năng, nhiệm vụ của Việt Nam học .....                                                                                                                    | - 9 -  |
| 3.1. Chức năng .....                                                                                                                                             | - 9 -  |
| 3.2. Nhiệm vụ .....                                                                                                                                              | - 15 - |
| 4. Phương pháp nghiên cứu của Việt Nam học .....                                                                                                                 | - 23 - |
| 5. Vị trí của Việt Nam học trong hệ thống các ngành khoa học .....                                                                                               | - 25 - |
| 5.1. Mối quan hệ giữa Việt Nam học với các ngành khoa học tự nhiên .....                                                                                         | - 25 - |
| 5.2. Mối quan hệ giữa VNH với các ngành khoa học xã hội-nhân văn khác lấy Việt Nam làm đối tượng khảo sát. ....                                                  | - 27 - |
| 5.3. Mối quan hệ giữa Việt Nam học với các ngành khoa học về khu vực và các nước láng giềng (Đông phương học, Đông Nam Á học, Trung Quốc học, Thái học...) ..... | - 30 - |
| 6. Sơ lược về sự phát triển và triển vọng của ngành Việt Nam học .....                                                                                           | - 31 - |
| 7. Giới thiệu Chương trình đào tạo ngành Việt Nam học .....                                                                                                      | - 36 - |
| 8. Một vài gợi ý về phương pháp học tập - nghiên cứu ngành Việt Nam học ở trường đại học .....                                                                   | - 41 - |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH .....                                                                                                                                   | - 47 - |

## NHẬP MÔN VIỆT NAM HỌC

Trong khuôn khổ của một giáo trình nhập môn của một chuyên ngành đào tạo, chúng tôi sẽ đề cập tới những vấn đề sau đây:

1. *Việt Nam học* là gì ? (thuật ngữ)
2. *Việt Nam học* nghiên cứu cái gì ? (đối tượng nghiên cứu)
3. *Việt Nam học* có tác dụng gì đối với cuộc sống hôm nay và ngày mai ?  
(chức năng, nhiệm vụ)
4. Phương pháp nghiên cứu của *Việt Nam học*
5. Vị trí của *Việt Nam học* trong hệ thống các ngành khoa học (mối quan hệ giữa *Việt Nam học* với các ngành khoa học khác)
6. Sơ lược về ngành *Việt Nam học* ở nước ta cũng như trên Thế giới và triển vọng của nó.
7. Giới thiệu chương trình đào tạo ngành *Việt Nam học*.
8. Một vài gợi ý về phương pháp học tập-nghiên cứu ngành học

Đây là một giáo trình hoàn toàn mới mẻ không những đối với chúng tôi mà còn đối với ngành *Việt Nam học* nước nhà nói chung; do vậy, những trao đổi trong các phần mục dưới đây có thể chưa thật sự hoàn hảo, đáp ứng đầy đủ những yêu cầu của một giáo trình mở đầu cho một lĩnh vực khoa học có một nội dung quảng bác như *Việt Nam học*. Vì vậy, chúng tôi rất mong nhận được sự góp ý phê bình của độc giả, nhất là của các vị đồng nghiệp và anh chị em sinh viên ngành *Việt Nam học* về lĩnh vực đào tạo mới mẻ này.

## **1. Thuật ngữ “Việt Nam học”**

Thoạt tiên, thuật ngữ “Việt Nam học”(VNH) xuất hiện trong các ngôn ngữ Âu-Mỹ từ những thập niên 30 của thế kỷ XX. Đó là: *Études Vietnamiens* trong français, *Vietnamese studies* trong English, *Việtnamôvezenhie* trong Russan, trong tiếng Hán, tiếng Nhật... và sau rốt mới là trong tiếng Việt. Nói một cách khác, người Việt đã “dịch” một thuật ngữ khoa học về đất nước-dân tộc mình từ các ngôn ngữ ngoại quốc. Mới nghe qua, điều tưởng chừng như là một nghịch lý, thậm chí là một sự “trớ trêu” nào đó, thực ra cũng rất hợp lý. Chính nhu cầu hiểu biết về đất nước, con người, lịch sử, văn hóa... Việt Nam ở nước ngoài, nhất là với những quốc gia đã từng có quan hệ chặt chẽ với Việt Nam (kể cả quan hệ thù địch, tiêu cực, lẫn quan hệ hợp tác-hữu nghị, tích cực) trong nhiều trường hợp, còn bức xúc hơn ngay chính chúng ta; bởi muốn đạt được hiệu quả trong các quá trình xâm lược, nô dịch hay hợp tác-hữu nghị trước đây, cũng như trong các mối quan hệ hợp tác, trao đổi hiện nay, họ không thể không hiểu biết về Việt Nam.

Đến lượt mình, thuật ngữ “Việt Nam học” lại được diễn đạt dưới một cái vỏ ngữ âm Hán -Việt (PGS. Nguyễn Duy Hình đề nghị nên gọi là *cách đọc Việt-Hán*<sup>[1]</sup>). Tuy nhiên, trong các bộ từ điển bách khoa mà chúng tôi có được, mục từ này chưa có. Nếu hiểu theo lối “duy danh định nghĩa”, *Việt Nam học* là (khoa) học về Việt Nam. Cách hiểu này hiển nhiên là không sai, song nó chung chung quá, chưa nêu bật được đối tượng và mục đích của lĩnh vực khoa học này, bởi vậy chúng tôi đưa ra một định nghĩa cho thuật ngữ này như sau:

*Việt Nam học (VNH) là một lĩnh vực khoa học (hay một tập hợp các ngành khoa học) chuyên nghiên cứu về đất nước, con người Việt Nam trên mọi bình diện từ địa lý, ngôn ngữ, lịch sử, văn hóa... cho tới phong tục, tập quán và lối sống. Mục đích của sự nghiên cứu đó là nhằm đem lại những hiểu biết toàn diện về Việt Nam, phục vụ sự nghiệp xây dựng đất nước ngày một phồn thịnh và tăng cường khả năng giao lưu-hội nhập quốc tế.*

## **2. Đối tượng nghiên cứu của Việt Nam học**

2.1. Trong phần định nghĩa, chúng tôi đã nêu lên được đối tượng nghiên cứu của VNH là đất nước và con người Việt Nam trên mọi bình diện từ ngôn ngữ, lịch sử, văn hóa... cho đến phong tục-tập quán và ứng xử thường nhật (ways of life). Tuy nhiên, nếu chỉ dừng lại ở một phát biểu ngắn gọn như vậy, hẳn sẽ có sự nhập nhằng giữa đối tượng nghiên cứu của VNH với đối tượng nghiên cứu của những lĩnh vực khoa học cụ thể về Việt Nam; và phải chăng, VNH là một phép cộng giản đơn giữa các lĩnh vực khoa học về Việt Nam ( $VNH = \text{Địa Lý Việt Nam} + \text{Lịch sử Việt Nam} + \text{Văn học Việt Nam} + \text{Tiếng Việt}...$ ). Hiển nhiên là không quan niệm một cách máy móc, thô sơ như vậy được. Không thể phủ nhận mối quan hệ qua lại, gắn bó giữa đối tượng nghiên cứu của VNH với các ngành khoa học cụ thể khi lấy Việt Nam làm đối tượng khảo sát, song với tư cách là một lĩnh vực nghiên cứu chuyên biệt, VNH có tính độc lập tương đối của nó, chí ít là trên bình diện lý thuyết, cũng có thể chỉ ra sự khác biệt giữa những lĩnh vực khoa học này.

2.2. Trước hết, cần khẳng định những kết quả nghiên cứu của VNH là *kết quả tổng hợp* của nhiều lĩnh vực khoa học khác nhau. Ở đây, chúng tôi đặc biệt nhấn mạnh chữ “tổng hợp”. Tổng hợp không phải là tổng số ( $\Sigma$ ) của những tham số đơn lẻ cộng lại mà là *sự kết tinh của những giá trị để tạo ra một giá trị mới* với

---

[1]. Xem: Nguyễn Duy Hinh. *Hệ tư tưởng trước Lý*. Nghiên cứu Lịch sử số 5+6, 1987, tr.55.

*những diện mạo, sắc màu riêng của nó*. Có thể so sánh sự tổng hợp này với việc loài ong hút mật từ những loài hoa khác nhau để tạo nên một loại mật đặc biệt - *mật ong*. Ngược lại, sẽ là không đúng nếu như xem VNH là “một tý Văn + một tý Sử + một tý Địa + ...”. Có thể so sánh cách hiểu sai lệch đó với việc một số người có ý tưởng “điều chế nước dừa nhân tạo” bằng cách phân xuất các thành phần tạo nên nước dừa, rồi sau đó - dùng các đơn chất riêng lẻ ấy pha trộn với nhau theo đúng tỷ lệ và kết quả đã không như họ mong muốn. Tương tự, người ta khó lòng tạo ra được “mật gấu nhân tạo” hay mô phỏng các sản phẩm từ tự nhiên khác theo hướng tư duy máy móc và thiếu cận như vậy.

Cái chúng tôi muốn nhấn mạnh ở đây là, khác với các nhà địa lý, sử học, ngôn ngữ học... những nhà nghiên cứu VNH phải từ kết quả của các lĩnh vực khoa học lấy Việt Nam làm đối tượng khảo sát làm toát lên được bản sắc văn hóa Việt Nam. Nói một cách khác, VNH phải là *sự thăng hoa* từ những “nguyên-vật liệu” do các ngành khoa học cụ thể khác tạo ra<sup>[1]</sup>.

2.3. Một nét đặc trưng trong đối tượng nghiên cứu của VNH là: các ngành khoa học cụ thể khi lấy Việt Nam làm đối tượng nghiên cứu thường xuất phát từ những tiêu chí riêng của bản thân các ngành đó để xem xét, bình giải, đánh giá..., còn VNH lại lấy đất nước, con người, văn hóa Việt Nam làm *hệ quy chiếu*<sup>[2]</sup>. Xin đưa ra dưới đây một vài dẫn dụ.

[1]. Xin đưa ra một sự so sánh đơn giản về sự thăng hoa: Từ gạo có thể nấu thành cơm, thành cháo, làm thành bún... nhưng nếu ủ men, sau đó thêm nước ủ tiếp rồi cất lên, chúng ta sẽ có một chất mới –  $C_2H_5OH$  – rượu. Có thể xem *rượu là sự thăng hoa của gạo*, uống tới một mức nào đó, người ta sẽ cảm thấy hưng phấn khác thường – một điều không xảy ra ở các chế phẩm khác cũng từ gạo, cho dù có thể ăn tới 10 bát cơm hay 15 tô cháo, 20 bát bún...

[2]. *Hệ quy chiếu* là một hệ thống quan điểm, tiêu chí để nhìn nhận, đánh giá sự vật, hiện tượng. Thí dụ: trong hình học Óclit (hình học phẳng), tổng các góc trong của một tam giác là  $180^0$ , nhưng trong hình học Lôbép-xki (hình học không gian), thì chưa hẳn đã là như vậy. Hoặc giả, nhân vật Tấm trong truyện cổ *Tấm Cám* vẫn có những cách đánh giá khác nhau, thậm chí đối lập nhau. Theo quan điểm của các nhà nghiên cứu fonklơ, *Tấm là hiện thân của sự hiền thảo, nét na...*, nhưng theo cách nhìn của một số nhà Luật học, *Tấm là tội phạm hình sự – cố ý giết người bằng biện pháp dã man* (tắm nước sôi, làm mất)... Một thí dụ khác: Trong văn học, trăng là một nguồn cảm hứng bất tận của thi ca, nơi có cung Quảng Hàn và vị nữ chủ nhân xinh đẹp – Hằng Nga, nơi có cây đa, chú Cuội...; song với các nhà nghiên cứu Vật lý địa cầu, trăng quả là đáng sợ – ban ngày nóng tới hơn  $100^0C$ , còn ban đêm lại lạnh tới – hơn  $100^0$  dưới 0, là nơi không có một sinh vật nào có khả năng tồn tại. Trăng còn là nguồn gốc tạo nên những mùa đông lạnh buốt ở khu vực 2 đầu cực và nhiều căn bệnh ở người, gia súc..., bởi vậy có không ít các nhà khoa học Nga, Mỹ lên tiếng đòi phá hủy mặt trăng...

Các nhà nghiên cứu văn học dân gian thường cho câu chuyện *Ngưu Lang-Chức Nữ* là thuộc kho tàng văn học dân gian của người Hán; thế nhưng GS. Trần Quốc Vượng cho rằng câu chuyện đó phải có nguồn gốc phương Nam (chí ít cũng là từ miền Nam sông Trường Giang) - nơi hàng năm vẫn xảy ra hiện tượng *mưa ngâu* tháng Bảy - một hiện tượng thời tiết không hề bắt gặp trên địa bàn sinh tụ của người Hán. Nhờ có hệ thống văn tự hoàn thiện sớm, người Hán đã ghi chép và “nhận xằng” là của họ - một hiện tượng “vi phạm tác quyền” đối với các cư dân phương Nam (!) Tương tự như vậy, nhiều nhà khoa học cũng cho rằng, *Thần Nông* có “quê” ở phương Nam, chứ không phải ở phương Bắc (căn cứ và trật tự ngữ pháp trong tên gọi vị Thần này). Đi xa hơn nữa, PGS., TSKH. Trần Ngọc Thêm còn xem cả *chữ Nho*, *Hà đồ lạc thư*, thậm chí *kinh Dịch*... đều là những sáng tạo của những cư dân trồng lúa nước phương Nam.

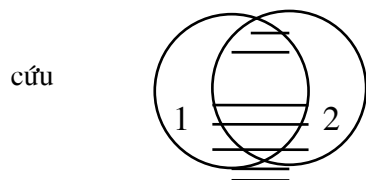
Trong quá trình khảo sát các loại hình nhà công cộng truyền thống ở các tộc người bản địa khu vực Đông Nam Á, chúng tôi cho rằng *đình làng* là một hiện tượng văn hóa Việt, mặc dầu loại hình kiến trúc này vẫn được chép bằng chữ Hán ( ) và có không ít nhà nghiên cứu đã gán sự ra đời của nó với sự khẳng định vị trí độc tôn của Nho giáo trong ý thức hệ Đại Việt từ thế kỷ XV. Có một thực tế không thể phủ nhận là: tuy quê hương của Nho giáo là Trung Quốc, song trong suốt trường kỳ lịch sử của mình, ở người Hán không hề có một loại hình kiến trúc vật nào tương tự như *đình* ở người Việt. Trong khi đó, chính *nhà Rông* ở nhiều tộc Thượng Trường Sơn-Tây Nguyên hay *mo rung* ở người Naga vùng Assam (Đông Bắc Ấn Độ), *kông kinh* ở người Lamét (Lào), *bo jio* ở người Bonguan ngoài xa khơi Thái Bình Dương... mới chính là những người “anh em sinh đôi” của loại hình kiến trúc nổi tiếng trong văn hóa truyền thống Việt<sup>[1]</sup>...

Các nhà nghiên cứu địa lý Việt Nam thường chỉ tập trung sự chú ý vào mô tả các giá trị hiện hữu của các yếu tố địa lý (con sông X dài bao nhiêu km, lưu vực của nó là bao nhiêu km<sup>2</sup>, lưu tốc của nó như thế nào, tiềm năng và giá trị kinh tế của nó ra sao...), nhưng nếu ở góc độ VNH thì không thể bỏ qua một thông số quan trọng khác - chiều thời gian (lịch đại) hay những biến thiên của nó trong lịch sử. Cũng là con *sông Bạch Đằng*, nhưng sông Bạch Đằng xưa - *sông Rừng* - hẳn là khác với sông Bạch Đằng hôm nay (*Con ơi nhớ lấy lời cha, gió to, sóng cả chớ qua sông Rừng*). Và nếu chỉ dừng lại ở những thông số về độ dài hay lưu vực, dòng Bạch Đằng của chúng ta chẳng đáng làm một chi lưu hay một phụ lưu của một Amazon hay Mítxixipi ở châu Mỹ, một Trường Giang hay Hoàng Hà ở Trung Quốc...; nhưng thử hỏi, có dòng sông nào trên trái đất này lại chở nặng trên mình

[1]. Xem: Cao Thế Trình. *Dấu vết của hình thái quần hôn trong các loại hình nhà công cộng truyền thống ở Đông Nam Á*. TC Dân tộc học, số 2/1999, tr. 70-79.

nó tới 3 chiến công oanh liệt như dòng sông nơi cửa ngõ địa đầu của Tổ Quốc chúng ta (thắng giặc Nam Hán năm 938, thắng giặc Tống năm 981 và thắng giặc Nguyên-Mông năm 1288). Sứ thần Giang Văn Minh đã hiên ngang nói lên điều đó trước Hoàng đế Thanh triều: *Đằng giang tự cổ huyết do hồng* - “Nước sông Bạch đằng đến nay vẫn còn đỏ máu [quân thù]”. Tóm lại, khác với những chuyên gia nghiên cứu về các lĩnh vực khoa học cụ thể, nhà Việt Nam học nghiên cứu đất nước, con người văn hóa Việt Nam trong tính tổng thể của nó. Nếu một chuyên gia của một lĩnh vực khoa học cụ thể chủ yếu chuyên chú vào một phương diện nào đó, nhà Việt Nam học phải xem xét sự vật, hiện tượng trên mọi phương diện liên quan tới đối tượng khảo sát.

2.4. Nói như vậy, không có nghĩa đối tượng nghiên cứu của VNH hoàn toàn độc lập, mà trên thực tế, cùng chọn một địa bàn khảo sát nên giữa VNH và các ngành khoa học khác vẫn có giao thoa qua lại lẫn nhau. Để phản ánh mối quan hệ giữa VNH với các ngành khoa học cụ thể khác lấy Việt Nam làm đối tượng khảo sát, chúng tôi đưa ra sơ đồ sau:



Trong sơ đồ này, vòng tròn [1] là đối tượng nghiên cứu của VNH, vòng tròn [2] là đối tượng nghiên cứu của các ngành khoa học khác lấy VN làm đối tượng khảo sát, phần có nét vạch chính là sự giao thoa trong đối tượng nghiên cứu giữa chúng với nhau.

Đây đó vẫn có người cho rằng, *VNH là lĩnh vực dành cho người nước ngoài* muốn tìm hiểu về Việt Nam, còn đã người Việt Nam rồi thì cần gì phải mất thời gian cho việc tìm hiểu về chính bản thân mình, hay nói cách khác, *người Việt Nam thì không cần phải học VNH (!)* Quan niệm như vậy có đúng không ? Đương nhiên là không đúng. Cổ nhân có câu: *Tri kỷ, tri bỉ, bách chiến bách thắng* (Biết mình, biết người, trăm trận trăm thắng”. Chúng ta đang sống trong thời đại của giao lưu – hợp tác quốc tế, dù muốn hay không toàn cầu hóa vẫn là một xu thế không thể cưỡng lại được; do vậy, muốn thực hiện có hiệu quả cao trong quá trình giao lưu-hợp tác quốc tế, chúng ta không chỉ tìm hiểu về đối tác của mình (*biết người*), mà trước hết cần phải hiểu chúng ta là ai (*biết mình*). Lịch sử dân tộc đã chứng tỏ không ít lần chúng ta phải trả giá rất đắt cho sự không hiểu biết đúng mình, mà cuộc Tổng tấn công và nổi dậy Xuân 1968 là một thí dụ. Tổn thất lớn lao về sinh mạng của hàng trăm ngàn cán bộ, chiến sỹ, đồng bào ta trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm đó xuất phát từ chỗ chúng ta đánh giá quá thấp về kẻ thù và đánh giá quá cao khả năng của ta. Mặt khác, cũng không thể nói rằng, đã là người Việt Nam thì đều am tường mọi khía cạnh về đất nước, con người, lịch sử, văn hóa... Việt Nam. Ngay như tiếng Việt là phương tiện mọi người phải sử dụng hàng ngày, hàng giờ, ấy thế mà chúng ta vẫn phải học trong suốt 12 năm phổ thông và tới lúc trưởng thành, trường hợp nói sai, viết sai tiếng Việt là hiện tượng – rất tiếc – đã và đang ở mức báo động. Đó là chưa kể tới những lĩnh vực đòi hỏi phải có sự chuyên sâu khác nữa. Câu chuyện về một phiên dịch viên lâu năm giải thích cho du khách nước ngoài “*Đàn Nam giao là một loại đàn cổ*”<sup>[1]</sup> (ancient musical instrument)” không chỉ là một lời cảnh báo mà còn chứng tỏ một sự thực khá phổ biến về sự thiếu hiểu biết đúng mức về văn hóa truyền thống của dân tộc ở số đông người Việt hôm nay, nhất là ở lớp người trẻ tuổi<sup>[2]</sup>.

Một vấn đề liên quan tới đối tượng nghiên cứu của VNH nữa là: VNH có tìm hiểu về đất nước, con người và văn hóa các nước khác hay không hay chỉ cần “ta biết ta” là đủ rồi ? Câu trả lời của chúng tôi là: Rất cần phải biết văn hóa của các nước khác trên Thế giới, kể cả văn hóa phương Đông lẫn văn hóa phương Tây. Tuy nhiên, do thời lượng của khóa trình đào tạo ở bậc đại học là có

hạn, do vậy – mảng kiến thức này chủ yếu được thể hiện thông qua phương thức so sánh đối chiếu với các nền văn hóa, văn minh khác để khắc họa rõ nét những đặc trưng riêng của văn hóa, văn học, lịch sử... Việt Nam, trong đó các đối sánh thường xuyên sử dụng tới là Trung Hoa và một số nước Âu-Mỹ. Trong chương trình đào tạo hiện hành cũng có các môn học như *Lịch sử văn minh Thế giới, Việt Nam trong bối cảnh Đông Nam Á, Giao lưu văn hóa Việt Nam với phương Tây...*

Tailieu.vn

### **3. Chức năng, nhiệm vụ của Việt Nam học**

#### **3.1. Chức năng.**

##### *3.1.1. Chức năng hàng đầu của VNH là nghiên cứu, giới thiệu một cách toàn diện về đất nước, con người và văn hóa Việt Nam*

Tình trạng thiếu hiểu biết về đất nước, con người, văn hóa Việt Nam hiện đang rất phổ biến, nhất là ở lớp trẻ. Đông đảo thanh/thiếu niên Việt Nam hiện nay biết rất rõ về danh thủ bóng đá Maradona, siêu sao nhạc rock Michael Jackson, võ sỹ đấm bốc hạng nặng Mike Tyson... thậm chí họ còn nắm rất chắc “top ten” ca khúc Thế giới trong tháng, trong tuần..., song lại tỏ ra rất lúng túng khi có ai đó hỏi Hùng Vương là ai, Lương Thế Vinh sống ở thời nào, nhằm nhằm \_\_\_\_\_

[1]. Xem: Trần Ngọc Thêm: *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*. NXB. Thành phố Hồ Chí Minh, HCM, 2001, tr. 9 (Lời nói đầu bản in lần thứ nhất).

[2]. Tài các cuộc thi tìm hiểu kiến thức âm nhạc do Đài truyền hình Việt Nam tổ chức được phát trên kênh VTV3 cho thấy lớp trẻ ngày nay có một sự đam mê và hiểu biết rất khá về âm nhạc phương Tây (bài hát trong phim nào, do nhạc sỹ nào sáng tác, do ca sỹ hay nhóm ca sỹ nào thể hiện... họ đều trả lời vanh vách); trong khi đó, điều đáng buồn là ở phần Âm nhạc dân tộc, kể cả những ca khúc sáng tác trong thời chống Mỹ, họ lại tỏ ra rất lúng túng và phần lớn là trả lời sai.

giữa Trần Quốc Tuấn và Trần Quốc Toản...<sup>[1]</sup> Những chuyện tày đình thậm chí còn xảy ra ngay cả ở tầm quốc gia: trong bài thuyết minh về các khối diễu hành tại lễ kỷ niệm trọng thể 50 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9 (2.9.1995) tại Quảng trường Ba Đình - Hà Nội đã để xảy ra 11 chi tiết sai lầm, trong đó có những sai lầm nghiêm trọng về mặt lịch sử (Hai Bà Trưng khởi nghĩa vào năm 179 tr.CN, Quang Trung đại phá quân Thanh năm 1802...). Một điều hết sức lo ngại là, không ít các thầy/cô giáo dạy Văn/Sử ở trường phổ thông cũng tỏ ra rất “lơ tơ mơ” về lịch sử/văn hóa dân tộc... Từ đó có thể thấy việc giới thiệu, tuyên truyền về lịch sử, văn hóa, những cái hay, cái tốt, thậm chí cả cái dở của dân tộc cho quảng đại quần chúng là một việc làm không bao giờ là “thừa”, nhất là việc làm sáng rõ bản sắc, bản lĩnh văn hóa Việt Nam, nêu bật được “quốc hồn”, “quốc túy” của dân tộc.

##### *3.1.2. Bồi dưỡng tình cảm yêu nước, lòng tự hào dân tộc chính đáng và góp phần hoàn thiện nhân cách Việt Nam*

Trong quá trình giao lưu, hội nhập quốc tế của đất nước, cùng với sự nhập khẩu các loại hàng ngoại, các thiết bị kỹ thuật, công nghệ hiện đại, các